TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 554/2023/HC-PT
Ngày: 27/7/2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 68/2023/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc *"khiếu kiện quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 04/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7752/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Vũ Đức U, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số D đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn H1 - Công ty L, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND huyện T*:* Ông Trần Anh T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND huyện T*:* Ông Nguyễn Đức C - Giám đốc Ban Q1 (ĐTXD) huyện T; ông Vũ Tiến Q - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1 và ông Nguyễn Hồng S - Cán bộ Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Q1. Ông C, ông S có mặt, ông Q vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đào Thị C1, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số D đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Vũ Đức U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Vũ Đức U *thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Gia đình ông Vũ Đức U là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất 798m^2 đất (200m^2 đất ở và 598m^2 đất trồng cây lâu năm), đã bị thu hồi 84,5m^2 đất vườn tại Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 17/11/2008 phục vụ Công trình nâng cấp và cải tạo đường giao thông huyện Đ - Cầu T, huyện T. Theo hồ sơ biến động số 01/2012, Hộ ông Vũ Đức U còn lại 200m^2 đất ở và 513,5m^2 đất vườn (theo đo đạc hiện trạng là 698,5m^2, trong đó: 200m^2 đất ở và 498,5m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ 04 địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được Ủy ban nhân dân *(viết tắt là UBND)* huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(viết tắt là GCNQSD đất)* số U 501374, số vào sổ cấp GCN: 01760 QSDĐ/475 QĐ-UBND ngày 01/7/2002 mang tên ông Vũ Đức U.

Diện tích đất này gia đình ông sử dụng ổn định và xây dựng công trình nhà cấp 4 ba gian để ở trên đất từ năm 1998, cho đến năm 2012 thì gia đình ông xây nhà 02 tầng bên cạnh. Cả hai công trình nhà này gia đình vẫn đang sử dụng. Năm 2021, UBND huyện T thực hiện Dự án đường C, qua suối Đ, xã Đ, huyện T với đường H - Đ đến khu D, thị trấn T *(viết tắt là Dự án)*, theo đó thông báo thu hồi của gia đình diện tích đất 251,5m^2 (gồm 50m^2 đất ở và 201,5m^2 đất trồng cây lâu năm) - công trình trên đất là 01 phần nhà 02 tầng xây năm 2012, toàn bộ nhà cấp 4 ba gian và một phần sân. Khi thu hồi và lên phương án bồi thường không thỏa đáng, nên ông không đồng ý với việc thu hồi và bồi thường.

Ngày 10/12/2021, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất với nội dung: Áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Đức U đang sử dụng thửa đất số 256, tờ bản đồ thu hồi và giao đất, diện tích 251,5m^2 (gồm 50m^2 đất ở và 151,5m^2 đất trồng cây lâu năm).

Nhận thấy Chủ tịch và UBND huyện T ban hành các Quyết định trên là không đúng quy định và ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân. Bởi lẽ:

Một là, việc thu hồi đất làm ảnh hưởng đến toàn bộ công trình nhà ở. Xét về diện tích đất thu hồi, hiện trạng là nhà cấp 4, được xây dựng từ năm 1998 và gia đình ông Vũ Đức U vẫn đang sử dụng vào mục đích để ở (02 ngôi nhà liền kề nhau, là một phần không thể tách rời với ngôi nhà 02 tầng đang sử dụng). Bên cạnh đó, khi thu hồi đã lấy phần đất vào sát móng của nhà 02 tầng, khiến cho căn nhà không còn đảm bảo an toàn, ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôi nhà này. Do đó, căn nhà 02 tầng này không thể sử dụng như trước được nữa. Tại phiên tòa bà H trình bày bà nhất trí với việc xem xét thẩm định của Tòa án và không có ý kiến đề nghị gì về nội dung này.

Hai là, khi thu hồi loại đất nào phải được bồi thường đất cùng loại theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013 về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở thì khi thu hồi diện tích 251,5m^2 đất, Nhà nước phải bồi thường cho gia đình ông Vũ Đức U diện tích đất ở tương ứng.

Vì vậy, người khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND huyện T *(viết tắt là Quyết định số 740)* về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với diện tích 251,5m^2 đất thu hồi của gia đình ông Vũ Đức U.

- Tuyên hủy Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện T *(viết tắt là Quyết định số 1790)* về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông Vũ Đức U.

- Buộc UBND huyện T lên phương án bồi thường cho gia đình ông Vũ Đức U và xem xét giải quyết giao đất tái định cư theo đúng quy định pháp luật khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện T *thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:*

- Về trình tự thủ tục tổ chức thực hiện thu hồi đất và thẩm quyền quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất thu hồi của hộ ông Vũ Đức U tại Quyết định số 740:

Việc thu hồi đất đối với diện tích đất của hộ ông Vũ Đức U tại Quyết định số 740 được UBND huyện T triển khai thực hiện vào tháng 11/2020, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013, trình tự thủ tục thu hồi đất, lập thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND huyện T thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các Văn bản hướng dẫn. Cụ thể như sau:

Thực hiện Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt Dự án; Văn bản số 8017/UBND-CN1 ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh V về việc chấp thuận hướng tuyến Dự án và chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND các huyện (thành phố) được quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V, ngày 12/11/2020, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 275/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án.

Sau khi U1 Thông báo thu hồi đất, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1 đã phối hợp với UBND thị trấn Đ tiến hành kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi, kiểm tra xác định nguồn gốc đất, loại đất thu hồi của các hộ nằm trong chỉ giới thu hồi để thực hiện Dự án; Ngày 02/8/2021, UBND thị trấn Đ đã có Tờ trình số 141/TTr-UBND gửi UBND huyện về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án, trong đó xác định loại đất thu hồi của hộ ông Vũ Đức U là đất ở và đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất.

Trên cơ sở kết quả thẩm định và Tờ trình số 811/TTr-TNMT ngày 25/8/2021 của Phòng T1 đề nghị thu hồi đất, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó thu hồi đất diện tích 251,5m^2 *(bao gồm: 50m^2 đất ở và 201,5m^2 đất trồng cây lâu năm có GCNQSD đất)* của hộ ông Vũ Đức U để thực hiện Dự án.

Như vậy, việc thực hiện thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Đức U tại Quyết định số 740 đã được UBND huyện T thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Điều 24 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V; Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh V về thẩm quyền thông báo thu hồi đất và ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định thu hồi đất; Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh V về việc điều chỉnh nội dung Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh V.

- Về trình tự thủ tục ban hành quyết định thực hiện cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất:

Sau khi UBND huyện T ban hành Quyết định số 740 về việc thu hồi đất; Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1 đã phối hợp với UBND thị trấn Đ niêm yết công khai và gửi các Quyết định số 740, Quyết định số 741 cho hộ ông Vũ Đức U.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1 đã có các văn bản thông báo và tiến hành 03 lần chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Đức U theo phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện phê duyệt. Tuy nhiên hộ ông Vũ Đức U không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không chấp hành quyết định thu hồi đất, không bàn giao mặt bằng và đưa ra các nội dung kiến nghị không có cơ

sở xem xét giải quyết. Các nội dung kiến nghị của hộ đã được Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1 và UBND thị trấn Đ xem xét trả lời trực tiếp tại các buổi làm việc chi trả tiền và trả lời hộ bằng văn bản (Thông báo chi trả tiền số 107/TB-BQLDA ngày 07/9/2021; Giấy mời chi trả tiền số 111/GM-BQLDA ngày 10/9/2021; Thông báo chi trả tiền số 108/GM-BQLDA ngày 16/9/2021; Văn bản số 414/BQLDA ngày 03/12/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1).

Thực hiện quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 và điểm a khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013, ngày 27/9/2021, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1 đã phối hợp cùng UBND, Ủy ban mặt trận Tổ Quốc (UBMTTQ) thị trấn Đ tổ chức làm việc tuyên truyền hộ ông Vũ Đức U chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng tuy nhiên hộ vẫn không chấp hành (có Biên bản làm việc ngày 27/9/2021).

Sau khi tổ chức làm việc tuyên truyền vận động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2, UBND thị trấn Đ đã tổng hợp và có Báo cáo số 407/BC-UBND ngày 10/12/2021 về việc đã tiến hành tuyên truyền vận động nhưng hộ ông Vũ Đức U vẫn không chấp hành Quyết định thu hồi đất, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Trên cơ sở Báo cáo kết quả tuyên truyền, vận động của UBND thị trấn Đ, đề xuất của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1 tại Văn bản số 420/BQLDA ngày 10/12/2021 về việc đề nghị ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và Báo cáo kết quả rà soát số 35/TP ngày 23/11/2021 của Phòng Tư pháp (Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; điểm d khoản 3 Điều 69 và khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai 2013), Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1790 về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án đối với hộ ông Vũ Đức U.

- Về thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất thu hồi của hộ ông Vũ Đức U để thực hiện dự án:

Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69; khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Điều 7 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V về việc Ban hành quy định về việc thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong công tác kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thì việc ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Đức U thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện T.

Như vậy việc ban hành Quyết định số 740 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1790 về việc cưỡng chế thu hồi đất đã được UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 67; Điểm b, d, Khoản 3 Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai 2013; Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V.

- Về việc buộc UBND huyện T giao đất tái định cư khi thu hồi đất:

Thửa đất mà hộ ông Vũ Đức U đang sử dụng có tổng diện tích theo đo đạc hiện trạng là 698,4m^2 *(bao gồm: 200m^2 đất ở và 498,4m^2 đất vườn đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất)*.

Để triển khai thực hiện dự án phải thu hồi diện tích đất 251,5m^2/698,4m^2 mà hộ đang sử dụng. Theo xác nhận của UBND thị trấn Đ thì diện tích đất thu hồi 251,5m^2 *(trong đó 50m^2 đất ở và 201,5m^2 đất trồng cây lâu năm)* đã được cấp GCNQSD đất.

Như vậy, diện tích còn lại của hộ sau thu hồi là 446,9m^2 *(trong đó: 150m^2 đất ở, 296,9m^2 đất vườn)*. Mặt khác đối với dự án không có quỹ đất để bồi thường bằng đất ở cho các hộ.

Theo quy định về nguyên tắc bồi thường về đất tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 thì: *"Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất";*

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

Như vậy đối chiếu với các quy định trên, nội dung kiến nghị của hộ ông Vũ Đức U về việc buộc UBND huyện T giải quyết giao đất tái định cư là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết.

Từ những nội dung đã trình bày trên UBND huyện T khẳng định toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức U là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị C1 *thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:* Nhất trí với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức U và không có ý kiến, đề nghị gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 04/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức U về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng công trình đường C, qua suối Đ, xã Đ, huyện T với đường H - Đ đến khu D, thị trấn T đối với diện tích đất 251,5m^2 nằm trong phần thu hồi của gia đình ông Vũ Đức U.

- Hủy Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Buộc UBND huyện T lên phương án bồi thường cho gia đình ông và xem xét giải quyết giao đất tái định cư theo đúng quy định pháp luật khi nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng công trình: Đường nối cầu Đ, qua S, xã Đ, huyện T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2022, người khởi kiện là ông Vũ Đức U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng thời thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và xác định việc người bị kiện xây dựng phương án bồi thường không đúng; xác định giá bồi thường, hỗ trợ không thỏa đáng; công trình sau khi làm đường không đủ giá trị sử dụng và sự bền vững; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án không đảm bảo được quyền lợi của đương sự theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và xác định bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Vũ Đức U khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 740 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 1790 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đồng thời xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 741 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị C1 vắng mặt nhưng có mặt đại diện theo ủy quyền; Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của ông Vũ Đức U, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 740; Quyết định số 741 của UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc:

- Về thẩm quyền ban hành:

UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 740 về việc thu hồi đất; Quyết định số 741 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 28; Điều 56 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Điều 24 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V; Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh V về thẩm quyền thông báo thu hồi đất và ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định thu hồi đất; Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh V về việc điều chỉnh nội dung Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh V.

- Về trình tự, thủ tục ban hành:

Thực hiện Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt Dự án, ngày 12/11/2020, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 275/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện GPMB dự án.

Sau khi U1 Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện đã phối hợp với UBND thị trấn Đ tiến hành kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi của các hộ nằm trong chỉ giới thu hồi để thực hiện dự án, trong đó có hộ ông Vũ Đức U. Việc kiểm đếm được tiến hành với sự tham gia của ông Vũ Đức U.

Trên cơ sở số liệu kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Q1 đã phối hợp với UBND thị trấn Đ kiểm tra xác định nguồn gốc đất, loại đất thu hồi.UBND thị trấn Đ đã có Tờ trình số 141/TTr - UBND ngày 02/8/2021 gửi UBND huyện về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án, trong đó xác định loại đất thu hồi của hộ ông Vũ Đức U là đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất.

Trên cơ sở kết quả thẩm định và Tờ trình số 811/TTr-TNMT ngày 25/8/2021 của Phòng T1 đề nghị thu hồi đất, cùng ngày 31/8/2021, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 740 về việc thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó thu hồi đất diện tích 251,5m^2 *(bao gồm: 50m^2 đất ở và 201,5m^2 đất trồng cây lâu năm có giấy chứng nhận QSD đất)* của hộ ông Vũ Đức U để thực hiện Dự án đồng thời ban hành Quyết định số 741 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Vũ Đức U.

Như vậy, UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 740; Quyết định số 741 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 16; Điều 62; Điều 63; Điều 66; Điều 67; Điều 69 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Về nội dung Quyết định số 740, Quyết định số 741:

Thửa đất mà hộ ông Vũ Đức U đang sử dụng có tổng diện tích theo đo đạc hiện trạng là 698,4m^2 *(bao gồm: 200m^2 đất ở và 498,4m^2 đất vườn đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất)*. Để triển khai thực hiện dự án đã thu hồi diện tích đất 251,5m^2/698,4m^2 mà hộ ông U đang sử dụng. Theo xác nhận của UBND thị trấn Đ thì diện tích đất thu hồi 251,5m^2 *(trong đó 50m^2 đất ở và 201,5m^2 đất trồng cây lâu năm)* đã được cấp GCNQSD đất. UBND huyện T đã ban hành Quyết định phê phương án bồi thường và tái định cư đối với diện tích đất thu hồi của hộ ông U đảm bảo đúng đơn giá theo quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh V về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V và Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh V về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019 - 2024.

Xét về nguyên tắc bồi thường về đất, tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 thì: "*Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất";*

Tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

Nhưng hộ ông U sau khi bị thu hồi đất, diện tích đất còn lại sau thu hồi vẫn đủ điều kiện để ở (còn 446,9m^2 *(trong đó: 150m^2 đất ở, 296,9m^2 đất vườn))*. Mặt khác, đối với dự án không có quỹ đất để bồi thường bằng đất ở cho các hộ có đất bị thu hồi. Do vậy, U quyết định bồi thường, hỗ trợ bằng tiền đối với diện tích đất thu hồi của hộ ông U là đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1790 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Sau khi UBND huyện T ban hành Quyết định số 740 về việc thu hồi đất, cùng ngày 31/8/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 741 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo đó, hộ ông U được bồi thường về đất ở và bồi thường, hỗ trợ đất vườn liền kề với đất ở với tổng số tiền là 259.588.000 đồng; đối với tài sản, vật kiến trúc, cây cối gắn liền với đất được bồi thường 98.367.000 đồng.

Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Q1 đã có các văn bản thông báo và tiến hành 03 lần chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Đức U theo phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện phê duyệt*(Thông báo chi trả tiền số 107/TB-BQLDA ngày 07/9/2021; Giấy mời chi trả tiền số 111/GM-BQLDA ngày 10/9/2021; Thông báo chi trả tiền số 108/GM-BQLDA ngày 16/9/2021; Văn bản số 414/BQLDA ngày 03/12/2021 của Ban quản lý dự án ĐTXD huyện),*

nhưng hộ ông U không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không chấp hành quyết định thu hồi đất, không bàn giao mặt bằng.

Ngày 27/9/2021, Ban quản lý dự án ĐTXD huyện đã phối hợp cùng UBND, UBMTTQ thị trấn Đại Đình tổ chức làm việc tuyên truyền hộ ông Vũ Đức U chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng nhưng hộ vẫn không chấp hành.

Ngày 10/12/2021, Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định số 1790 về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án đối với hộ ông Vũ Đức U.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Điều 7 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V về việc Ban hành quy định về việc thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong công tác kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, xác định việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Đức U là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án này, có sự nhầm lẫn về số liệu cụ thể tại biên bản kiểm kê ngày 12/3/2021 ghi số liệu thu hồi đất của hộ ông U là 100m^2 đất ở và 151,5m^2 đất vườn tuy nhiên sau đó quá trình ra quyết định thu hồi đã được khắc phục, sửa chữa sự sai lệch về số liệu và tại Quyết định số 1790/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án đối với hộ ông Vũ Đức U ghi cưỡng chế thu hồi 251,5 m^2 (trong đó: 50m^2 đất ở và 151,5 m^2 đất trồng cây lâu năm). Tại Quyết định gia hạn thời gian cưỡng chế số 941/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T đã khắc phúc sai lệch về số liệu trên (trong đó: 50 m^2 đất ở và 201,5 m^2 đất trồng cây lâu năm) Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T đã được giao cho hộ ông U đúng trình tự quy định của pháp luật. Việc có sự nhầm lẫn về số liệu (tổng diện tích đất thu hồi không thay đổi) không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của ông Vũ Đức U và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Đức U phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Vũ Đức U và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Vũ Đức U phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ đi số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0006913 cùng ngày 25/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận ông Vũ Đức U đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển